

Bản án số: 205/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Hùng

2. Ông Trần Văn Luyện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Đạt

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* chị Phan Thị H – sinh năm 1984

Nơi cư trú: xóm 01, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

*- Bị đơn:* anh Nguyễn Tấn L – sinh năm 1986

Nơi cư trú: ấp Lương Phú C, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: giữa nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Tấn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2005 tại UBND xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn trong tình cảm. Tuy nhiên, trong mấy năm gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách hai người ngày càng thay đổi dẫn đến không có tiếng nói chung, nên thường xuyên

xảy ra cãi vã lẫn nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo hai bên quay lại đoàn tụ nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L

Về nuôi con chung: theo chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung cháu tên là Nguyễn Phan Cẩm Tiên, sinh ngày 12/11/2006, cháu Nguyễn Phan Tuấn Anh, sinh ngày 25/11/2014, hiện hai cháu Tiên và Anh đang sống với anh L, hai vợ chồng thống nhất giao con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào, cũng không ai nợ vợ chồng và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết anh Nguyễn Tấn L vắng mặt nhưng có đơn trình bày:

Về tình cảm: anh đồng ý với chị H về điều kiện và thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị H có đơn yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý ly hôn với chị H

Về con chung: vợ chồng thống nhất giao 02 con chung cháu tên là Nguyễn Phan Cẩm Tiên, sinh ngày 12/11/2006, cháu Nguyễn Phan Tuấn Anh, sinh ngày 25/11/2014 cho anh Nguyễn Tấn Lập nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn chị Phan Thị H và anh Nguyễn Tấn L kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện về ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết vụ án về “ ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015;

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Phan Thị H và anh Nguyễn Tấn L có văn bản tự thỏa thuận chọn nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý vụ án là đúng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Trong vụ án không có đương sự, hoặc tài sản ở nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, do vậy Tòa án nhân dân huyện Đô Lương giải quyết là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 BLTTDS năm 2015

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Tấn L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh L là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 228 BLTTDS năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Phan Thị H và anh Nguyễn Tấn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung một thời gian dài hạnh phúc, sau một thời gian thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai gia đình đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và mong muốn Tòa án giải quyết ly hôn cho anh với chị H, tuy nhiên Tòa án vẫn kiên trì thuyết phục chị H suy nghĩ lại để trở về đoàn tụ gia đình, nhưng chị H một mực yêu cầu ly hôn, xét thấy tình cảm chị H đối với anh L không còn, nên vợ chồng không thể đoàn tụ lại được. Trước Tòa án hôm nay, chị H vẫn khẳng định tình cảm của chị đối với anh L hoàn toàn không còn và chị kiên quyết xin được giải quyết ly hôn. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt và nguyện vọng được ly hôn với chị H, nên cần xét xử chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tấn L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Các đương sự đều thống nhất giao 02 con chung cháu tên là Nguyễn Phan Cẩm Tiên, sinh ngày 12/11/2006, cháu Nguyễn Phan Tuấn Anh, sinh ngày 25/11/2014 cho bị đơn anh Nguyễn Tấn L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của hai vợ chồng là chính đáng, không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu là được ở với cha, để đảm bảo cho cháu Tiên, cháu Anh phát triển đầy đủ thể chất, tinh thần nên giao hai cháu cho anh Nguyễn Tấn L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự, với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3].Về chia tài sản và nợ:

Về chia tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung, nợ riêng: các đương sự khai hiện không nợ tổ chức, cá nhân nào, cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cho nên về chia tài sản, nợ chung, nợ riêng, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4].Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Điều 51, Điều 56, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tấn L

**2.** Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung cháu tên là Nguyễn Phan Cẩm Tiên, sinh ngày 12/11/2006, cháu Nguyễn Phan Tuấn Anh, sinh ngày 25/11/2014 cho anh Nguyễn Tấn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Tiên, cháu Anh thành niên đủ 18 tuổi

Chị Phan Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh L đến khi anh L có yêu cầu

Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

*“ Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

3. Về chia tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: buộc chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được tính trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002552 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Lương Hòa Lạc;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Anh**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Tân Trường;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Anh**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Tân Trường;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Anh**